

Bản án số: **127/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **18-11-2021**

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021; Thông báo số 60/2021/TB-TA ngày 08/7/2021 về việc dời thời gian mở phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa dân sự số 91/2021/TB-TA ngày 08/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Trước đây, chị và anh Đỗ Văn T1 là vợ chồng, quá trình chung sống do không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 81/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (gọi tắt là Quyết định số 81). Đến năm 2018, anh T1 quay về xin chị tha thứ, cho anh cơ hội làm lại từ đầu, chị T đồng ý nên anh chị tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh T1 vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi; quá trình sống chung anh T1 vẫn ham chơi, không lo làm ăn xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng

cãi vã, xích mích, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T1 nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là Đỗ Đức Tr, sinh ngày 27/4/2006, Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 31/01/2010 và Đỗ Thị Thảo V2, sinh ngày 11/7/2019. Theo Quyết định số 81, cháu Đỗ Đức Tr và cháu Đỗ Thị Tường V được giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay các cháu đang sinh sống với chị nên chị không yêu cầu gì. Đối với cháu Đỗ Thị Thảo V2 được sinh sau khi chị và anh T1 đã ly hôn, nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vân, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, chị Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 75m², được xây dựng trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Suối Cát (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 053919 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 20/01/2014, đứng tên chị Nguyễn Thị Thanh T) cho chị và anh T1, tuy nhiên, quá trình làm việc anh chị đã tự thỏa thuận về phần tài sản chung nên ngày 26/4/2021 chị T có đơn xin rút yêu cầu về phần tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn T1 trình bày:* Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T1 cho rằng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ cãi vã, xích mích nhỏ không đến mức phải ly hôn. Thời gian chung sống lần 2, anh chị nghĩ vợ chồng sống vì tình nghĩa nên đã không đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức Tr và cháu Đỗ Thị Tường V theo Quyết định số 81 nên anh không có ý kiến gì. Đối với cháu Đỗ Thị Thảo V2, trường hợp chị T không nuôi được thì anh yêu cầu nuôi cháu Vân và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; trường hợp chị T yêu cầu nuôi dưỡng thì anh đồng ý giao cháu Vân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:*

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 là vợ chồng; Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thị Thảo V2, sinh ngày 11/7/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T1; đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung của chị T; về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Đỗ Văn T1, do đó xác định chị T là nguyên đơn, anh T1 là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 đã ly hôn theo Quyết định số 81/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Chị T trình bày sau khi anh chị ly hôn, đến năm 2018 chị và anh T1 về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống này anh chị có 01 con chung là Đỗ Thị Thảo V2, sinh ngày 11/7/2019. Quá trình chung sống, anh T1 vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi, anh vẫn ham chơi, không lo làm ăn xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng cãi vã, xích mích, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nữa nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 30/12/2020 của UBND xã Suối Cát thể hiện: trong thời gian cư trú tại ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát từ ngày 19/4/2016 đến ngày 30/12/2020, chị Nguyễn Thị Thanh T chưa đăng ký kết hôn với ai (giấy có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp). Anh T1 thừa nhận việc anh chị quay về chung sống với nhau và có thêm một con chung là cháu Đỗ Thị Thảo V2, nhưng do anh nghĩ vợ chồng chung sống là vì tình nghĩa nên anh chị đã không đăng ký kết hôn lần hai. Như vậy có cơ sở khẳng định chị T và anh T1 chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T, anh T1 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 là phù hợp quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Cháu Đỗ Đức Tr, sinh ngày 27/4/2006 và cháu Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 31/01/2010 đã được giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định số 81, chị T và anh T1 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thảo V2, sinh ngày 11/7/2019; quá trình làm việc anh T1 trình bày trường hợp chị T không nuôi được cháu V2 thì anh nuôi dưỡng, trường hợp chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Vân thì anh đồng ý giao cháu Vân cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy,

cháu Vân còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cháu Đỗ Thị Thảo V2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, chị Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 75m², được xây dựng trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Suối Cát (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 053919 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 20/01/2014, đứng tên chị Nguyễn Thị Thanh T) cho chị và anh T1, tuy nhiên, quá trình làm việc anh chị đã tự thỏa thuận về phần tài sản chung nên ngày 26/4/2021 chị T có đơn xin rút yêu cầu về phần tài sản chung; anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh chị. Do vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh T.

[7] Về nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; **phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, **khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;**

Căn cứ các điều 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đỗ Thị Thảo V2, sinh ngày 11/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Đỗ Văn T1 được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng (do chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung vợ chồng vào ngày 26/4/2021).

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đỗ Văn T1 khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004618 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004619 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND phường, xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương